

Thanh Hoá, ngày 14 tháng 01 năm 2022

Số: 183/QĐ-ĐHHĐ

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc ban hành Đề án tuyển sinh đào tạo liên thông, vừa làm vừa học trình độ đại học; tuyển sinh đào tạo liên thông trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non, năm 2022.**

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC**

*Căn cứ Luật Giáo dục đại học năm 2018; Nghị định số 99/2019/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều luật của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;*

*Căn cứ Thông tư số 09/2020/TT-BGDĐT ngày 07/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tuyển sinh trình độ đại học; tuyển sinh trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non; Quyết định số 18/2017/QĐ-TTg ngày 31/5/2017 của Chính phủ về việc ban hành Quy định về đào tạo liên thông trình độ trung cấp, cao đẳng với trình độ đại học;*

*Căn cứ Quyết định số 03/QĐ-HĐT ngày 24/06/2020 của Hội đồng trường về việc ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Hồng Đức;*


*Xét đề nghị của Giám đốc Trung tâm Giáo dục thường xuyên.*

**QUYẾT ĐỊNH:**


**Điều 1.** Ban hành Đề án tuyển sinh đào tạo liên thông, vừa làm vừa học trình độ đại học; tuyển sinh đào tạo liên thông trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non, năm 2022 (có Đề án kèm theo).


**Điều 2.** Đề án là cơ sở để thực hiện công tác tuyển sinh đào tạo liên thông, vừa làm vừa học trình độ đại học; tuyển sinh đào tạo liên thông trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non, năm 2022.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký

Giám đốc Trung tâm Giáo dục thường xuyên, các Trường đơn vị, đoàn thể liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /: 

**Nơi nhận:**

- Bộ GD&ĐT (để báo cáo);
- UBND tỉnh Thanh Hóa (để báo cáo);
- Như Điều 3/QĐ;
- Lưu: VT, TTGD TX 

**HIỆU TRƯỞNG**  
  
**Bùi Văn Dũng**

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH THANH HÓA  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

## ĐỀ ÁN

**Tuyển sinh đào tạo liên thông, vừa làm vừa học trình độ đại học; tuyển sinh đào tạo liên thông trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non, năm 2022**  
(Ban hành kèm theo QĐ số 183 /QĐ-ĐHHD ngày 14 tháng 01 năm 2022)

## PHẦN 1

### THÔNG TIN CHUNG VỀ NHÀ TRƯỜNG

#### 1.1. GIỚI THIỆU VỀ NHÀ TRƯỜNG VÀ NGÀNH ĐÀO TẠO

##### 1.1.1. Quá trình phát triển

Trường Đại học Hồng Đức được thành lập theo Quyết định số 797/QĐ-TTg ngày 24/9/1997 của Thủ tướng Chính phủ trên cơ sở ba trường cao đẳng: Sư phạm Thanh Hóa, Kinh tế - Kỹ thuật Thanh Hóa và Y tế Thanh Hóa; là trường đại học công lập, đào tạo đa cấp, đa ngành, trực thuộc địa phương, đồng thời chịu sự quản lý Nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các Bộ, ngành Trung ương.

Trường Đại học Hồng Đức có nhiệm vụ đào tạo cán bộ có chất lượng cao gồm: đội ngũ giáo viên các cấp học, ngành học; cán bộ khoa học kỹ thuật và quản lý kinh tế các ngành công nghiệp, nông nghiệp, lâm nghiệp đáp ứng nhu cầu của các địa phương; nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao khoa học, công nghệ phục vụ các mục tiêu kinh tế - xã hội của tỉnh Thanh Hóa và các địa phương khác trong cả nước.

Với nhiệm vụ ban đầu là đào tạo nguồn nhân lực có trình độ từ đại học trở xuống. Đến năm 2007, Nhà trường đã được giao nhiệm vụ đào tạo trình độ thạc sĩ (theo Quyết định số 867/QĐ-TTg ngày 12/7/2007 của Thủ tướng Chính phủ) và năm 2014 đã được giao nhiệm vụ đào tạo trình độ tiến sĩ chuyên ngành Văn học Việt Nam (Quyết định số 3619/QĐ-BGDĐT ngày 11/9/2014) và Khoa học cây trồng (Quyết định số 4065/QĐ-BGDĐT ngày 30/9/2014).

Tính đến tháng 12/2022, Nhà trường đã được giao nhiệm vụ đào tạo và cấp bằng cho 04 chuyên ngành tiến sĩ, 19 chuyên ngành thạc sĩ, 31 ngành trình độ đại học và 01 ngành cao đẳng giáo dục mầm non (từ năm 2018, Nhà trường đào tạo 4 ngành đại học sư phạm chất lượng cao: SP Toán, SP Vật lý, SP Ngữ văn và SP Lịch sử).

Về cơ cấu tổ chức: Trường Đại học Hồng Đức là trường đào tạo đa ngành, đa hình thức đào tạo. Trường được tổ chức theo 3 cấp: Trường - Khoa/ phòng/ ban/ trung tâm - Bộ môn.

- Nhà trường có 12 khoa đào tạo gồm:

+ Khoa Khoa học Tự nhiên: Đào tạo 06 chuyên ngành trình độ thạc sĩ (Toán giải tích, Phương pháp toán sơ cấp; Vật lý lý thuyết và Vật lý toán, Thực vật học, Động vật học, Hóa hữu cơ); đào tạo giáo viên các ngành: Toán học, Vật lý, Hóa học, Sinh học có trình độ đại học (trong đó có 2 ngành đào tạo chất lượng cao: SP Toán học và SP Vật lý); giảng dạy các môn Khoa học Tự nhiên, như: Toán học, Vật lý, Hóa học, Sinh học... cho SV toàn trường.

+ Khoa Khoa học Xã hội: Đào tạo 03 chuyên ngành trình độ tiến sĩ (*Văn học Việt Nam, Lịch sử Việt Nam, LL&PPDH Văn-Tiếng Việt*); 05 chuyên ngành trình độ thạc sĩ (*Văn học Việt Nam, Ngôn ngữ Việt Nam, LL&PP dạy học Văn – Tiếng Việt, Lịch sử Việt Nam, Địa lý học*); đào tạo giáo viên có trình độ đại học các ngành: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý (trong đó có 2 ngành đào tạo chất lượng cao: Ngữ văn, Lịch sử); các ngành cử nhân: Ngữ văn, Văn học, Lịch sử, Địa lý, Việt Nam học, Xã hội học, Quản lý tài nguyên và Môi trường, Du lịch.

+ Khoa Ngoại ngữ: Đào tạo Giáo viên Tiếng Anh có trình độ đại học; ĐH Ngôn ngữ Anh; giảng dạy tiếng nước ngoài cho các lớp SV toàn trường.

+ Khoa Tâm lý-Giáo dục: Đào tạo 01 chuyên ngành trình độ thạc sĩ (*Quản lý giáo dục*), cử nhân Tâm lý học và giảng dạy các môn thuộc Tâm lý – Giáo dục cho SV toàn trường.

+ Khoa Giáo dục Tiểu học: Đào tạo Giáo viên Tiểu học có trình độ đại học.

+ Khoa Giáo dục Mầm non: Đào tạo Giáo viên Mầm non có trình độ đại học, cao đẳng.

+ Khoa Giáo dục Thể chất: Đào tạo Giáo viên có trình độ đại học ngành Giáo dục thể chất và giảng dạy môn Giáo dục thể chất cho SV toàn trường.

+ Khoa Lý luận chính trị-Luật: Đào tạo cử nhân ngành Luật và giảng dạy các môn khoa học Lý luận chính trị và Pháp luật cho SV toàn trường.

+ Khoa Nông-Lâm-Ngư nghiệp: Đào tạo 01 chuyên ngành trình độ tiến sĩ (*Khoa học cây trồng*); 01 chuyên ngành trình độ thạc sĩ (*Khoa học cây trồng*) và kỹ sư ngành Nông-Lâm-Ngư nghiệp có trình độ đại học.

+ Khoa Kinh tế - Quản trị kinh doanh: Đào tạo 02 chuyên ngành trình độ thạc sĩ (*Quản trị kinh doanh, Kế toán*) và cử nhân trình độ đại học ngành Kế toán, Quản trị kinh doanh, Tài chính - Ngân hàng, Kinh tế, Kiểm toán.

+ Khoa Kỹ thuật - Công nghệ: Đào tạo 02 chuyên ngành trình độ thạc sĩ (*Vật lý chất rắn, Kỹ thuật xây dựng*) và trình độ đại học các ngành Kỹ thuật điện, Kỹ thuật xây dựng, Công nghệ kỹ thuật môi trường.

+ Khoa Công nghệ Thông tin & Truyền thông: Đào tạo 01 chuyên ngành trình độ thạc sĩ (*Khoa học máy tính*), cử nhân ngành Công nghệ thông tin có trình độ đại học và giảng dạy Tin học cho SV toàn trường.

- Có 10 phòng (QL đào tạo, QL đào tạo Sau đại học, QL Khoa học và Công nghệ, Công tác HSSV, Kế hoạch – Tài chính, Hành chính – Tổng hợp, Tổ chức - Cán bộ, Quản trị vật tư - thiết bị, Hợp tác quốc tế, Đảm bảo chất lượng – Khảo thí, Thanh tra giáo dục);

- Có 03 Ban (Ban quản lý nội trú, Ban bảo vệ, Ban quản lý nhà ở sinh viên);

- Có 06 trung tâm (Trung tâm Giáo dục thường xuyên, Trung tâm Giáo dục quốc tế, Trung tâm Quốc phòng – An ninh, Trung tâm Thông tin - Thư viện, Trung tâm Khoa học Xã hội – Nhân văn, Trung tâm nghiên cứu Khoa học công nghệ, Trung tâm Công nghệ thông tin);

- Có 01 trạm y tế.

Trường đã có những đóng góp cho sự nghiệp đào tạo nguồn nhân lực cho tỉnh Thanh Hóa và cả nước. Được xem là trung tâm đào tạo, NCKH và chuyển giao công nghệ lớn nhất trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

Tính đến nay, sau gần 25 năm xây dựng và phát triển, Nhà trường đã được nhà nước ghi nhận, đánh giá và trao tặng những phần thưởng và danh hiệu cao quý: Huân chương lao động hạng Nhất (2017), Huân chương lao động hạng Nhì (2011), Huân chương lao động hạng Ba (2002), danh hiệu Nhà giáo ưu tú, huân chương cho lao động cho các cá nhân, bằng khen cho các tập thể và cá nhân trong trường.

### 1.1.2. Sứ mệnh nhà trường

Trường Đại học Hồng Đức có sứ mạng đào tạo nguồn nhân lực đa lĩnh vực có khả năng thích ứng với sự thay đổi của thị trường lao động; nghiên cứu khoa học, chuyên gia công nghệ phục vụ sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Thanh Hóa và cả nước.

### 1.1.3. Địa chỉ các trụ sở

- Cơ sở chính: Số 565 Quang Trung 3, phường Đông Vệ, thành phố Thanh Hóa
- Trung tâm Giáo dục Quốc phòng - An ninh: Phố Minh Trại, phường Quảng Thành, thành phố Thanh Hóa.

### 1.1.4. Địa chỉ trang website: <http://www.hdu.edu.vn>

## 1.2. THÔNG TIN VỀ CÁC ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG

### 1.2.1. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu

#### a. Diện tích đất

- Tổng diện tích đất của trường

Diện tích của trường tại	Đơn vị tính	Diện tích
Cơ sở 565 Quang Trung, phường Đông Vệ	m <sup>2</sup>	384.000
Trung tâm Giáo dục quốc phòng-An ninh	m <sup>2</sup>	94.000
<b>Tổng</b>	<b>m<sup>2</sup></b>	<b>478.000</b>

- Số chỗ ở ký túc xá: 330 phòng/ 2.184 chỗ ở.

- Diện tích sàn xây dựng trực tiếp phục vụ đào tạo thuộc sở hữu của trường

TT	Hạng mục	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m <sup>2</sup> )
1	<i>Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu</i>		26.045
1.1	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	8	3.199
1.2	Phòng học từ 100 - 200 chỗ	22	2.750
1.3	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	76	6.375

1.4	Số phòng học dưới 50 chỗ	77	4.466
1.5	Số phòng học đa phương tiện	15	1.350
1.6	Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu	207	7.905
2	<i>Thư viện, trung tâm học liệu</i>	1	5.166
3	<i>Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập</i>	78	11.581
<b>Tổng</b>			<b>42.792</b>

*b. Thống kê về học liệu (kể cả e-book, cơ sở dữ liệu điện tử) trong thư viện*

TT	Nhóm ngành đào tạo	Số lượng bản	Số đầu sách
1	Nhóm ngành I	78335	5451
2	Nhóm ngành III	6167	802
3	Nhóm ngành V	11777	2428
4	Nhóm ngành VII	16081	2035

*c. Về đội ngũ giảng viên cơ hữu*

GS	PGS	TS	ThS	ĐH	Ghi chú
02	31	131	267	8	

*d. Kiểm định chất lượng*

Trường được công nhận kiểm định chất lượng giáo dục năm 2017 (*Quyết định số 122 ngày 06/9/2017 của Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục-ĐHQG Hà Nội*); Nhà trường đã có 06 chương trình đào tạo được công nhận kiểm định: chương trình đào tạo Giáo dục Tiểu học và sư phạm Tiếng Anh (*Quyết định số 411, 412/QĐ-KĐCL ngày 14/10/2019 của Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục-Đại học quốc gia Hà Nội*); chương trình đào tạo sư phạm Toán, sư phạm Ngữ văn, sư phạm Lịch sử và Quản trị kinh doanh trình độ đại học (*Quyết định số 403, 404, 405 và 406/QĐ-KĐCL ngày 13/9/2021 của Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục-ĐHQG Hà Nội*)

**1.2.2. Quy mô đào tạo**

Quy mô đào tạo liên thông, VLVH trình độ đại học (tính đến 31/12/2021): 4693 sinh viên, cụ thể như sau:

TT	Loại chỉ tiêu	Khối ngành đào tạo							Tổng
		Khối ngành I	Khối ngành II	Khối ngành III	Khối ngành IV	Khối ngành V	Khối ngành VI	Khối ngành VII	
I	Liên thông hình thức đào tạo chính quy								2049
1.1	SP Toán học	55							55
1.2	SP Vật lý	19							19

1.3	SP Hoá học	17							17
1.4	SP Sinh học	4							4
1.5	SP Ngữ văn	20							20
1.6	SP Địa lý	31							31
1.7	SP Tiếng Anh	127							127
1.8	GD Tiểu học	501							501
1.9	GD Mầm non	311							311
1.10	GD Thể chất	154							154
1.11	Luật			248					248
1.12	Kế toán			198					198
1.13	Quản trị kinh doanh			66					66
1.14	TC-NH			66					66
1.15	Công nghệ thông tin					110			110
1.16	Kỹ thuật xây dựng					24			24
1.17	Kỹ thuật Điện					27			27
1.18	Nông học					26			26
1.19	Chăn nuôi					10			10
1.20	Lâm học					26			26
1.21	Xã hội học							9	9
<b>II</b>	<b>Liên thông hình thức đào tạo vừa làm vừa học</b>								<b>2471</b>
2.1	SP Toán học	75							75
2.2	SP Tiếng Anh	78							78
2.3	GD Tiểu học	1460							1460
2.4	GD Mầm non	282							282
2.5	GD Thể chất	141							141
2.6	Luật			116					116
2.7	Kế toán			170					170
2.8	Quản trị kinh doanh			18					18
2.9	TC-NH			3					3
2.10	Công nghệ thông tin					6			6
2.11	Kỹ thuật xây dựng					31			31
2.12	Ngôn ngữ Anh							91	91

<b>III</b>	<b>Vừa làm vừa học từ THPT</b>							<b>173</b>
3.1	Luật			67				67
3.2	Kế toán			11				11
3.3	Quản trị kinh doanh			18				18
3.4	Công nghệ thông tin					6		6
3.5	Kỹ thuật xây dựng					1		1
3.6	Kỹ thuật Điện					15		15
3.7	Nông học					3		3
3.8	Ngôn ngữ Anh						52	52
	<b>Tổng cộng:</b>							<b>4.693</b>

### 1.2.3. Thông tin về tuyển sinh năm 2021

- Năm 2021, Nhà trường thực hiện công khai đầy đủ các thông tin về điều kiện đảm bảo chất lượng (cơ sở vật chất, đội ngũ giảng viên, quy mô đào tạo...), thông tin tuyển sinh trên các phương tiện thông tin đại chúng, website của trường thông báo tuyển sinh, chỉ tiêu đào tạo, lịch thi, kết quả thi, danh sách trúng tuyển....

- Số đợt tuyển sinh: 4 đợt (đợt 1 - tháng 01; đợt 2 - tháng 04, đợt 3 - tháng 8, đợt 4 - tháng 12).

- Phương thức tuyển sinh: thực hiện theo 2 phương thức thi tuyển và xét tuyển.

- Tổ xét tuyển các đợt trong năm 2021 đúng qui chế bảo đảm nghiêm túc; ban hành các quy định tổ chức xét, thi tuyển và chấm thi chặt chẽ, đạt hiệu quả.

- Kết quả tuyển sinh đào tạo năm 2021:

TT	Bậc	Chỉ tiêu	Kết quả tuyển sinh		Ghi chú
			Số lượng	Tỷ lệ %	
1	Liên thông chính quy	900	1106	100,27	
2	Liên thông vừa làm vừa học	1.800	1760	97,78	
3	Vừa làm vừa học từ THPT	100	26	26,00	

Kết quả tuyển sinh LT, VLVH chi tiết như sau:

TT	Ngành	Nhóm ngành	Liên thông chính quy từ			Liên thông VLVH từ			VL VH	Tổng nhập học
			TC	CĐ	ĐH	TC	CĐ	ĐH		
1	ĐHSP Toán học	1	0	25	2	0	6	15	0	48
2	ĐHSP Vật lý	1	0	0	0	0	0	0	0	0
3	ĐHSP Hóa học	1	0	6	0	0	0	1	0	7
2	ĐH Sinh học	1	0	1	0	0	4	0	0	5

3	ĐHSP Ngữ văn	1	0	7	0	0	6	7	0	20
3	ĐHSP Địa lý	1	0	22	0	0	2	0	0	24
4	ĐHSP Tiếng Anh	1	0	21	12	0	70	11	0	114
5	ĐHGD Mầm non	1	90	74	10	174	81	8	0	437
6	ĐHGD Tiểu học	1	30	161	123	92	653	214	0	1273
7	ĐHGD Thể chất	1	7	55	0	12	70	1	0	145
8	ĐH Kế toán	3	14	38	29	14	22	22	6	145
9	ĐH QTKD	3	7	8	6	5	7	2	4	39
10	ĐH TC-NH	3	1	4	61	0	0	3	0	69
11	ĐH Luật	5	20	14	91	52	3	25	9	214
12	ĐH Nông học	5	2	3	5	0	0	0	0	10
13	ĐH Lâm học	5	10	4	0	0	0	0	0	14
14	ĐH Chăn nuôi	5	3	4	3	0	0	0	0	10
15	ĐH Quản lý đất đai	5				4	1	37	0	42
16	ĐH CNTT	7	6	24	23	4	4	6	3	70
17	ĐH Kỹ thuật điện	7	4	5	5	0	0	0	1	15
18	ĐH KT xây dựng	7	0	7	6	4	3	23	1	44
19	ĐH Ngôn ngữ Anh	7	0	0	53	0	1	91	2	147
	<b>Tổng cộng</b>		<b>194</b>	<b>483</b>	<b>429</b>	<b>361</b>	<b>933</b>	<b>466</b>	<b>26</b>	<b>2892</b>



**PHẦN 2**  
**THÔNG TIN TUYỂN SINH NĂM 2022**

**2.1. TUYỂN SINH ĐÀO TẠO LIÊN THÔNG TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC**

**2.1.1. Chỉ tiêu tuyển sinh**

TT	Ngành đào tạo	Mã ngành	LT CQ	LT VLVH
1	Sư phạm Toán học	7140209	20	40
2	Sư phạm Vật lý	7140211	10	25
3	Sư phạm Ngữ văn	7140217	20	40
4	Sư phạm Lịch sử	7140218	5	15
5	Sư phạm Hóa học	7140212	5	15
6	Sư phạm Sinh học	7140213	5	15
7	Sư phạm Địa lý	7140219	5	15
8	Sư phạm Tiếng Anh	7140231	50	120
9	Giáo dục Tiểu học	7140202	60	150
10	Giáo dục Mầm non	7140201	50	120
11	Giáo dục Thể chất	7140206	10	20
12	Sư phạm Tin học	7140210	0	0
13	Sư phạm KH Tự nhiên	7140247	0	0
14	Kế toán	7340301	50	70
15	Quản trị kinh doanh	7340101	25	40
16	Tài chính-Ngân hàng	7340201	14	25
17	Kiểm toán	7340302	10	0
18	Luật	7380101	14	25
19	Công nghệ thông tin	7480201	30	70
20	Kỹ thuật xây dựng	7580201	8	15
21	Kỹ thuật điện	7520201	8	15
22	Chăn nuôi - Thú y	7620106	0	15
23	Khoa học cây trồng	7620110	0	15
24	Lâm học	7620201	6	15
25	Kinh tế	7310101	10	15
26	Du lịch	7810101	10	15
27	Quản lý TN và MT	7850101	6	0
28	Việt Nam học	7310630	6	0
29	Quản lý đất đai	7850103	6	25
30	Ngôn ngữ Anh	7220201	26	40
31	Tâm lý học	7310401	6	0
	<b>Tổng cộng</b>		<b>467</b>	<b>975</b>

### 2.1.2. Đối tượng tuyển sinh

a. Người có bằng tốt nghiệp trình độ trung cấp và bằng tốt nghiệp THPT; người có bằng tốt nghiệp trình độ trung cấp nhưng chưa có bằng tốt nghiệp THPT phải học và thi đạt yêu cầu đủ khối lượng kiến thức văn hóa THPT theo quy định của Luật Giáo dục và các văn bản hướng dẫn thi hành;

b. Người có bằng tốt nghiệp trình độ cao đẳng trở lên.

### 2.1.3. Hình thức đào tạo: Chính quy, vừa làm vừa học.

**2.1.4. Phương thức tuyển sinh:** Xét tuyển hoặc thi tuyển hoặc kết hợp xét tuyển và thi tuyển. Phương thức thi tuyển hoặc kết hợp xét tuyển và thi tuyển chỉ áp dụng đối với nhóm ngành đào tạo giáo viên.

\* Môn thi tuyển sinh

TT	Ngành tuyển	Môn thi tuyển		
		Cơ bản	Cơ sở ngành	Chuyên ngành
<b>I. Liên thông từ trình độ cao đẳng trở lên với trình độ đại học</b>				
1	ĐHSP Toán học	Giáo dục học	Đại số và Giải tích	PPDH Toán và TH giải toán
2	ĐHSP Vật lý	Giáo dục học	Vật lý đại cương	PPDH Vật lý
3	ĐHSP Hoá học	Giáo dục học	Hoá Vô cơ - Hữu cơ	PPDH Hóa học
4	ĐHSP Sinh học	Giáo dục học	Di truyền học	PPDH Sinh học
5	ĐHSP Ngữ văn	Giáo dục học	Văn học - Tiếng Việt	PPDH Ngữ văn
6	ĐHSP Lịch sử	Giáo dục học	Lịch sử Việt Nam	PPDH Lịch sử
7	ĐHSP Địa lý	Giáo dục học	Địa lí Kinh tế - Xã hội	PPDH Địa lý
8	ĐHSP Tiếng Anh	Giáo dục học	Kỹ năng đọc - viết Tiếng Anh ( <i>Bản trắc nghiệm</i> )	PPDH Tiếng Anh
9	ĐHGD Thể chất	Giáo dục học	LL & PP GDTC trong trường học	Năng khiếu ( <i>Bật xa tại chỗ và chạy 100m</i> )
10	ĐHGD Tiểu học	Giáo dục học	Toán và PPDH Toán ở Tiểu học	Tiếng Việt, Văn học và PPDH TV ở Tiểu học
11	ĐHGD Mầm non	Giáo dục học Mầm non	Vệ sinh - Phòng bệnh	Văn học, PPPT ngôn ngữ cho trẻ MN
<b>II. Liên thông từ trình độ trung cấp lên trình độ đại học</b>				
1	ĐHGD Thể chất	Giáo dục học	LL & PP GDTC trong trường học	Năng khiếu ( <i>Bật xa tại chỗ và chạy 100m</i> )
2	ĐHGD Tiểu học	Giáo dục học	Toán và PPDH Toán ở Tiểu học	Tiếng Việt, Văn học và PPDH TV ở Tiểu học
3	ĐHGD Mầm non	Giáo dục học Mầm non	Vệ sinh - Phòng bệnh	Văn học, PPPT ngôn ngữ cho trẻ MN

\* Căn cứ hồ sơ, đối tượng tuyển sinh, Nhà trường sẽ tổ chức thi năng khiếu đối với thí sinh đăng ký các ngành GD Thể chất, GD Mầm non, GD Tiểu học để đảm bảo chất lượng đào tạo.

### 2.1.5. Ngưỡng bảo đảm chất lượng đầu vào

#### a. Các ngành đào tạo giáo viên

- Người thuộc đối tượng tuyển sinh phải đạt một trong các tiêu chí sau: học lực lớp 12 đạt loại giỏi hoặc điểm trung bình chung các môn văn hóa THPT đạt từ 8,0 trở lên hoặc tốt nghiệp THPT loại giỏi hoặc có học lực lớp 12 đạt loại khá và có 3 năm kinh nghiệm công tác đúng với chuyên môn đào tạo hoặc tốt nghiệp trình độ trung cấp, hoặc trình độ CĐ hoặc trình độ ĐH đạt loại giỏi; hoặc tốt nghiệp trình độ trung cấp, hoặc trình độ CĐ, hoặc trình độ ĐH đạt loại khá và có 3 năm kinh nghiệm công tác đúng với chuyên môn đào tạo;

- Ngành Giáo dục Thể chất phải đạt một trong các tiêu chí sau: học lực lớp 12 đạt loại khá hoặc điểm trung bình chung các môn văn hóa THPT đạt từ 6,5 trở lên, hoặc tốt nghiệp THPT loại khá, hoặc có học lực lớp 12 đạt loại trung bình và có 5 năm kinh nghiệm công tác đúng với chuyên môn đào tạo hoặc tốt nghiệp trình độ trung cấp, hoặc trình độ CĐ hoặc trình độ ĐH đạt loại khá trở lên;

- Việc đào tạo liên thông cho người đã được tuyển sinh hoặc đã tốt nghiệp ngành đào tạo giáo viên **trước ngày 07/5/2020** thì ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào như sau:

+ Phương thức xét tuyển: Xếp loại tốt nghiệp từ trung bình trở lên;

+ Phương thức thi tuyển: Tổng điểm 3 môn thi đạt từ 16.5 điểm trở lên, trong đó không có môn thi nào có điểm nhỏ hơn 3,0.

#### b. Các ngành đào tạo khác (ngoài nhóm ngành đào tạo giáo viên)

Người thuộc đối tượng tuyển sinh xếp loại tốt nghiệp từ trung bình trở lên.

## 2.2. TUYỂN SINH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC VỪA LÀM VỪA HỌC TỪ TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

### 2.2.1. Ngành đào tạo và chỉ tiêu tuyển sinh

TT	Tuyển sinh đào tạo nhóm ngành giáo viên	Chỉ tiêu	TT	Tuyển sinh đào tạo nhóm ngành khác (ngoài ngành đào tạo giáo viên)	Chỉ tiêu
1	ĐHSP Toán học	50	12	Kế toán	50
2	ĐHSP Vật lý		13	Quản trị kinh doanh	
3	ĐHSP Hoá học		14	Kinh tế	
4	ĐHSP Sinh học		15	Luật	
5	ĐHSP Ngữ văn		16	Quản lý đất đai	
6	ĐHSP Lịch sử		17	Ngôn ngữ Anh	
7	ĐHSP Địa lý		18	Kỹ thuật Xây dựng	
8	ĐHSP Tiếng Anh		19	Kỹ thuật điện	
9	ĐHGD Thể chất		20	Công nghệ thông tin	

TT	Tuyển sinh đào tạo nhóm ngành giáo viên	Chỉ tiêu
10	ĐHGD Tiểu học	
11	ĐHGD Mầm non	

TT	Tuyển sinh đào tạo nhóm ngành khác (ngoài ngành đào tạo giáo viên)	Chỉ tiêu
21	Nông học (hoặc Chăn nuôi)	
22	Du lịch	

### 2.2.2. Đối tượng tuyển sinh

Người có bằng tốt nghiệp THPT; người chưa có bằng tốt nghiệp THPT phải học và thi đạt yêu cầu đủ khối lượng kiến thức văn hóa THPT theo quy định của Luật Giáo dục và các văn bản hướng dẫn thi hành.

### 2.2.3. Phương thức tuyển sinh

Xét tuyển hoặc thi tuyển hoặc kết hợp xét tuyển và thi tuyển. Phương thức thi tuyển hoặc kết hợp xét tuyển và thi tuyển chỉ áp dụng cho nhóm ngành đào tạo giáo viên.

\* Môn thi tuyển sinh

TT	Ngành tuyển	Môn thi tuyển		
		Môn 1	Môn 2	Môn 3
1	ĐHSP Toán học	Toán học	Hóa học	Vật lý
2	ĐHSP Vật lý	Toán học	Hóa học	Vật lý
3	ĐHSP Hoá học	Toán học	Hóa học	Vật lý
4	ĐHSP Sinh học	Toán học	Hóa học	Sinh học
5	ĐHSP Ngữ văn	Ngữ văn	Lịch sử	Địa lý
6	ĐHSP Lịch sử	Ngữ văn	Lịch sử	Địa lý
7	ĐHSP Địa lý	Ngữ văn	Lịch sử	Địa lý
8	ĐHSP Tiếng Anh	Toán học	Ngữ văn	Tiếng Anh
9	ĐHGD Thể chất	Toán học	Sinh học	Năng khiếu (Bật xa tại chỗ và chạy 100m)
10	ĐHGD Tiểu học	Toán học	Ngữ văn	Năng khiếu (Đọc diễn cảm và Hát)
11	ĐHGD Mầm non	Toán học	Ngữ văn	

### 2.2.4. Ngưỡng đảm bảo chất lượng

#### - Đối với nhóm ngành đào tạo giáo viên

+ Phương thức xét tuyển: Đối với thí sinh đã tốt nghiệp THPT phải có học lực lớp 12 xếp loại giỏi hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT từ 8,0 trở lên. Riêng đối với ngành Giáo dục Thể chất thí sinh phải có học lực lớp 12 xếp loại từ khá trở lên hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT từ 6,5 trở lên.

+ Phương thức thi tuyển: Thí sinh đã tốt nghiệp THPT có học lực lớp 12 xếp loại khá hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT từ 6,5 trở lên và tổng điểm 3 môn thi đạt từ 16.5 điểm trở lên, trong đó không có môn thi nào có điểm nhỏ hơn 3,0.

- Đối với nhóm ngành khác (ngoài ngành đào tạo giáo viên): Người thuộc đối tượng tuyển sinh xếp loại tốt nghiệp từ trung bình trở lên.

## 2.3. TUYỂN SINH ĐÀO TẠO LIÊN THÔNG TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG GIÁO DỤC MẦM NON

### 2.3.1. Chỉ tiêu tuyển sinh: 50

### 2.3.2. Đối tượng tuyển sinh

- Người có bằng tốt nghiệp trình độ trung cấp nhóm ngành đào tạo giáo viên và bằng tốt nghiệp THPT; người có bằng tốt nghiệp trình độ trung cấp nhóm ngành đào tạo giáo viên nhưng chưa có bằng tốt nghiệp THPT phải học và thi đạt yêu cầu đủ khối lượng kiến thức văn hóa THPT theo quy định của Luật Giáo dục và các văn bản hướng dẫn thi hành;

- Người có bằng tốt nghiệp trình độ CĐ trở lên thuộc nhóm ngành đào tạo giáo viên.

### 2.3.3. Hình thức đào tạo: Vừa làm vừa học.

### 2.3.4. Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển hoặc thi tuyển

+ Môn thi tuyển sinh

Môn cơ bản	Môn cơ sở ngành	Môn chuyên ngành
Giáo dục học Mầm non	Vệ sinh - Phòng bệnh	Văn học, Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non

### 2.3.5. Ngưỡng đảm bảo chất lượng

- Phương thức xét tuyển: Những người thuộc đối tượng tuyển sinh đã tốt nghiệp xếp loại trung bình trở lên.

- Phương thức thi tuyển: Tổng điểm 3 môn thi đạt từ 16.5 điểm trở lên, trong đó không có môn thi nào có điểm nhỏ hơn 3,0.

## 2.4. NGUYÊN TẮC XÉT TUYỂN

Điểm xét tuyển (ĐXT) được xác định như sau:  $\text{ĐXT} = \text{TBC} + \text{ĐUT}$

Trong đó:

+ TBC: Điểm trung bình chung học tập toàn khóa được ghi trong bảng điểm trung cấp, cao đẳng, đại học đối với thí sinh nộp để xét tuyển đầu vào tuyển sinh đào tạo liên thông hoặc điểm của 3 môn thi tuyển sinh; điểm trung bình chung 3 năm THPT đối với thí sinh nộp để xét tuyển đầu vào đại học vừa làm vừa học từ THPT.

+ ĐUT: Điểm ưu tiên khu vực và đối tượng được quy định trong Quy chế tuyển sinh trình độ đại học; tuyển sinh trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non ban hành kèm Thông tư 09/2020/TT-BGDĐT ngày 7/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Điểm xét tuyển được lấy từ cao xuống thấp đến khi đủ chỉ tiêu.

- Thí sinh có cùng mức điểm khi xét tuyển thì dựa vào điểm thực tập tốt nghiệp đối với thí sinh tuyển sinh đào tạo liên thông; dựa vào học lực lớp 12 đối với thí sinh tuyển sinh đào tạo đại học vừa làm vừa học để xét tuyển.

## 2.5. PHẠM VI TUYỂN SINH

Tuyển sinh trên toàn quốc.

## 2.6. THỜI GIAN TUYỂN SINH

Thời gian tuyển sinh (dự kiến): 4 đợt (đợt 1: từ tháng 01 đến tháng 3/2022, đợt 2: Từ tháng 4 đến tháng 6/2022, đợt 3: từ tháng 7 đến tháng 9/2022 và đợt 4: từ tháng 10 đến tháng 12/2022)

## 2.7. HỒ SƠ TUYỂN SINH VÀ HÌNH THỨC NHẬN HỒ SƠ XÉT TUYỂN

### 2.7.1. Hồ sơ tuyển sinh

- Phiếu đăng ký dự tuyển ghi đầy đủ các nội dung trong phiếu (*theo mẫu*);
- 03 bản sao công chứng: Bằng tốt nghiệp và bảng điểm tương ứng với đối tượng xét tuyển;
- 03 bản sao công chứng: Bằng THPT và học bạ THPT (*nếu xét tuyển từ THPT*);
- Quyết định hoặc công văn cử đi đào tạo đạt chuẩn của cơ quan quản lý (*đối với những GV được cử đi đào tạo theo NĐ 71/2020/NĐ-CP của Chính phủ*);
- Xác nhận thời gian công tác (*đối với nhóm ngành đào tạo giáo viên*);
- Giấy xác nhận được hưởng chế độ ưu tiên (*nếu có*);
- Bản sao giấy khai sinh;
- Bản sao chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân;
- 2 ảnh 3 x 4 (sau ảnh ghi họ và tên, ngày tháng năm sinh);
- 2 phong bì dán tem, ghi họ tên, địa chỉ người nhận.

### 2.7.2. Hình thức nhận hồ sơ đăng ký tuyển sinh

Thí sinh nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm GDTX Trường Đại học Hồng Đức, gửi qua bưu điện về địa chỉ: Trung tâm GDTX Trường Đại học Hồng Đức, Phòng 202, Nhà điều hành, Trường Đại học Hồng Đức (*số 565, Quang Trung 3, phường Đông Vệ, thành phố Thanh Hóa*).

## 2.8. THỜI GIAN ĐÀO TẠO

TT	Trình độ đào tạo	Thời gian đào tạo
1	Liên thông từ trình độ cao đẳng trở lên với trình độ đại học	1,5 năm đến 3 năm
2	Liên thông từ trình độ trung cấp lên với trình độ đại học	2,5 năm đến 5 năm
3	Liên thông từ trình độ trung cấp lên với trình độ cao đẳng	1,5 năm đến 3 năm
4	Đại học vừa làm vừa học từ THPT	4 năm đến 6 năm

## 2.9. QUY ĐỊNH VỀ HỌC PHÍ

- Nhà trường quy định mức thu học phí cho từng năm học.
- Năm học 2021-2022, mức thu học phí các loại hình đào tạo như sau:

TT	Khối ngành/chuyên ngành đào tạo	Học phí
<b>I.</b>	<b>Mức học phí chính quy đối với đào tạo trình độ đại học</b>	
1.1	Khoa học xã hội, Kinh tế, Luật; Nông, Lâm, Thủy sản	228.300
1.2	Khoa học tự nhiên; Kỹ thuật, Công nghệ; Thể dục thể thao, Ngoại ngữ	273.300
<b>II</b>	<b>Mức học phí chính quy đối với đào tạo trình độ cao đẳng</b>	
2.1	Khoa học xã hội; Kinh tế; Luật; Nông, Lâm, Thủy sản	130.000
2.2	Khoa học tự nhiên; Kỹ thuật, Công nghệ; Thể dục thể thao; Ngoại ngữ	156.000
<b>III</b>	<b>Mức học phí vừa làm vừa học đối với đào tạo trình độ đại học</b>	
3.1	Khoa học xã hội; Kinh tế; Luật; Nông, Lâm, Thủy sản	342.500
3.2	Khoa học tự nhiên; Kỹ thuật, Công nghệ; Thể dục thể thao; Ngoại ngữ	410.000
<b>IV</b>	<b>Mức học phí vừa làm vừa học đối với đào tạo trình độ cao đẳng</b>	
4.1	Khoa học xã hội; Kinh tế; Luật; Nông, Lâm, Thủy sản	195.000

*Đơn vị tính: nghìn đồng/tín chỉ*

## 2.10. ĐƠN VỊ CHỊU TRÁCH NHIỆM

Trung tâm Giáo dục thường xuyên chịu trách nhiệm tham mưu cho Ban giám hiệu trong công tác tuyển sinh, quản lý đào tạo liên thông, vừa làm vừa học trình độ đại học; tuyển sinh đào tạo liên thông trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non và thực hiện chế độ báo cáo theo quy định. *[Handwritten signature]*

**HIỆU TRƯỞNG**  
  
**\*Bùi Văn Dũng**